TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 85/2022/DS-ST
Ngày: 23 - 9 - 2022
V/V tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Sơn**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: **Đặng Thế ứng**.
2. Ông: **Nguyễn Tiến Dũng**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tuấn Tín** - Cán bộ TAND thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2022/TLST- DS ngày 09 tháng 5 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2022/QĐXXST- DS ngày 03 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự.

1/ Nguyên đơn: Chị **Phan Thị B**, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện G, tỉnh Long An.

Chị **Phan Thị H**, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ 17, Ấp M, xã L, huyện G, tỉnh Long An là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Phan Thị B "Văn bản ủy quyền ngày 08 tháng 4 năm 2022". (có mặt)

2/ Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1969; (có mặt)

Anh **Phạm Quốc G**, sinh năm 1990; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 291, khu phố 4, phường 2, thị xã Cai Lậy , tỉnh Tiền Giang.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1990; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 01, khu phố A, phường B, thị xã L, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 25/3/2022, tại lời khai trong các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Thị B có đại diện theo ủy quyền là chị Phan Thị H*

trình bày: Do quen biết nhau trong việc làm ăn, nên vào ngày 25/01/2021 phía chị Phan Thị B có cho bà Nguyễn Thị T và anh Phạm Quốc G vay số tiền là 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 04 tháng, lãi suất hai bên tự thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất tối đa theo quy định pháp luật. Số tiền vay được chuyển khoản vào tài khoản của chị Nguyễn Thị X là vợ của anh Phạm Quốc G. Khi cho vay tiền hai bên có làm hợp đồng vay và có công chứng tại Văn phòng Công chứng Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, theo số công chứng 00387, quyển số 01/2021TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/01/2021. Sau khi vay tiền phía bà T và anh G không trả tiền theo thỏa thuận, nên phía chị B có đòi nhiều lần, phía bà T và anh G hẹn trả nhưng không trả kéo dài cho đến nay chưa trả vốn và lãi. Nay chị B yêu cầu bà T và anh G phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị B số tiền vốn vay là 50.000.000 đồng và lãi suất là 1,5%/tháng, tính từ ngày 25/01/2021 cho đến ngày xét xử hôm nay là ngày 23/9/2022 là hơn 19 tháng lãi nhưng chỉ yêu cầu tính tròn là 19 tháng lãi. Theo chị Hương là đại diện theo ủy quyền của phía nguyên đơn chị B cho rằng, phía bị đơn bà T khai là hai bên có làm giấy thỏa thuận trả vốn và lãi là 65.000.000 đồng và mỗi ngày trả góp là 500.000 đồng, giấy thỏa thuận do chị B giữ, bà T và anh G có trả cho phía chị B được số tiền là 29.000.000 đồng là không có thỏa thuận như bà T trình bày và phía bà T và anh G cũng chưa có trả được cho chị B số tiền nào.

** Tại lời khai trong các biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:* Bà T thừa nhận trước đây vào ngày 25/01/2021 bà và con bà là anh Phạm Quốc G có vay tiền của chị Phan Thị B số tiền vố vay là 50.000.000 đồng, phía chị B có chuyển tiền vào tài khoản của chị X là 50.000.000 đồng (chị X là con dâu bà T, vợ của anh G), chị X rút tiền từ Ngân hàng và đưa lại cho bà T và anh G. Khi vay tiền hai bên có làm hợp đồng vay tiền và có ra phòng công chứng chứng thực, thời hạn vay là 04 tháng, lãi suất hai bên tự thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất tối đa theo quy định pháp luật, số tiền vốn vay nhận vào ngày 25/01/2021. Ngoài hợp đồng vay tiền thì hai bên có làm giấy thỏa thuận trả vốn và lãi là 65.000.000 đồng và mỗi ngày trả góp là 500.000 đồng, thời hạn trả góp bắt đầu vào ngày 26/01/2021 trả góp cho đến khi hết số tiền vốn và lãi là 65.000.000 đồng, giấy thỏa thuận do chị B giữ. Sau khi vay bà và anh G có trả cho phía chị B được số tiền là 29.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền chưa trả góp là 36.000.000 đồng. Theo bà T, bà trả tiền cho chị B là đưa cho ông 6 Kha bạn của chị B, để nhờ ông 6 Kha đưa lại cho phía chị B, nhưng khi đưa tiền cho ông 6 Kha để trả cho chị B thì hai bên không có làm giấy tờ. Nay bà và con bà là anh G cũng đồng ý trả cho chị B số tiền còn nợ là 36.000.000 đồng. Không đồng ý theo yêu cầu của phía nguyên đơn. Về phía nguyên đơn chị B yêu cầu tính lãi suất là 1,5%/tháng thì bà T cũng đồng ý.

** Bị đơn anh Phạm Quốc G vắng mặt tại phiên tòa nhưng có ý kiến trình bày thể hiện trong hồ sơ như sau*: Anh G cũng đồng ý theo yêu cầu của phía nguyên đơn, nhưng để về kiểm tra lại việc mẹ anh là bà T gửi tiền trả trước đây cho phía nguyên đơn như thế nào.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị X vắng mặt tại phiên tòa nhưng có ý kiến trình bày thể hiện trong hồ sơ như sau:* Thừa nhận trước đây bà Nguyễn Thị T và anh Phạm Quốc G có vay tiền của chị Phan Thị B là 50.000.000 đồng, phía chị B có chuyển tiền vào tài khoản của chị X là 50.000.000 đồng, chị X rút tiền từ Ngân hàng và đưa lại cho bà T và anh G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc vắng mặt bị đơn anh Phạm Quốc G, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị X. Xét thấy, bị đơn anh G và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị X đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt phía bị đơn anh G và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị X.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn chị Phan Thị B có đại diện theo ủy quyền chị Phan Thị H: yêu cầu phía bị đơn bà T và anh G phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị B số tiền vốn vay là 50.000.000 đồng và lãi suất là 1,5%/tháng, tính từ ngày 25/01/2021 cho đến ngày xét xử hôm nay là ngày 23/9/2022 là hơn 19 tháng lãi nhưng chỉ yêu cầu tính tròn là 19 tháng lãi. Xét thấy, yêu cầu của phía nguyên đơn chị B là có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, tại phiên tòa hôm nay phía nguyên đơn chị B có đại diện theo ủy quyền là chị Hương xác định phía nguyên đơn chị B vào ngày 25/01/2021 có cho bà Nguyễn Thị T và anh Phạm Quốc G vay số tiền là 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 04 tháng, lãi suất hai bên tự thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất tối đa theo quy định pháp luật. Số tiền vay được chuyển khoản vào tài khoản của chị Nguyễn Thị X là vợ của anh Phạm Quốc G. Khi cho vay tiền hai bên có làm hợp đồng vay và có công chứng tại Văn phòng Công chứng Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, theo số công chứng 00387, quyển số 01/2021TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/01/2021. Sau khi vay tiền phía bà T và anh G không trả tiền theo thỏa thuận, nên phía chị B có đòi nhiều lần, phía bà T và anh G hẹn trả nhưng không trả kéo dài cho đến nay chưa trả vốn và lãi. Phía nguyên đơn chị B cũng có cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh là có cho bà T và anh G vay tiền cụ thể là 01hợp đồng vay, bản sao có công chứng. Tại phiên tòa hôm nay phía bị đơn bà T cũng thừa nhận có vay của chị B số tiền là 50.000.000 đồng; phía bị đơn anh G vắng mặt tại phiên tòa nhưng cũng có lời khai thể hiện trong hồ sơ cũng thừa nhận có vay của chị B số tiền là 50.000.000 đồng, nên yêu cầu của phía nguyên đơn chị B là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Đối với phía bị đơn đơn anh Phạm Quốc G vắng mặt tại phiên tòa nhưng có ý kiến trình bày thể hiện trong hồ sơ cũng đồng ý theo yêu cầu của phía nguyên đơn, nhưng để về kiểm tra lại việc mẹ anh là bà T gửi tiền trả trước đây cho phía

nguyên đơn như thế nào. Còn phía bị đơn bà T tại phiên tòa hôm nay có ý kiến cho rằng, ngoài hợp đồng vay tiền thì hai bên có làm giấy thỏa thuận trả vốn và lãi là 65.000.000 đồng và mỗi ngày trả góp là 500.000 đồng, thời hạn trả góp bắt đầu vào ngày 26/01/2021 trả góp cho đến khi hết số tiền vốn và lãi là 65.000.000 đồng, giấy thỏa thuận do chị B giữ. Sau khi vay bà và anh G có trả cho phía chị B được số tiền là 29.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền chưa trả góp là 36.000.000 đồng. Theo bà T, bà trả tiền cho chị B là đưa cho ông 6 Kha bạn của chị B, để nhờ ông 6 Kha đưa lại cho phía chị B, nhưng khi đưa tiền cho ông 6 Kha để trả cho chị B thì hai bên không có làm giấy tờ. Phía nguyên đơn chị B có đại diện theo ủy quyền là chị Hương, tại phiên tòa hôm nay xác định hai bên không có làm giấy thỏa thuận trả vốn và lãi là 65.000.000 đồng và mỗi ngày trả góp là 500.000 đồng như lời trình bày của bị đơn bà T và phía bà T, anh G từ khi vay tiền cho đến nay cũng chưa trả vốn và lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng vay. Xét thấy, đối với ý kiến trên của bà T là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, bà T khai ngoài hợp đồng vay ra thì hai bên có làm giấy thỏa thuận trả vốn và lãi là 65.000.000 đồng và mỗi ngày trả góp là 500.000 đồng, thời hạn trả góp bắt đầu vào ngày 26/01/2021 trả góp cho đến khi hết số tiền vốn và lãi là 65.000.000 đồng, giấy thỏa thuận do chị B giữ. Sau khi vay bà và anh G có trả cho phía chị B được số tiền là 29.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền chưa trả góp là 36.000.000 đồng. Đối với ý kiến này của phía bị đơn bà T, không được phía đại diện theo ủy quyền của phía nguyên đơn thừa nhận. Đối với phía bị đơn bà T có ý kiến trong biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 18/7/2022 là bà T sẽ cung cấp họ tên địa chỉ cụ thể của ông 6 Kha cho Tòa án và xin thời hạn 07 ngày kể từ ngày công khai chứng cứ, nếu bà T không cung cấp thì Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật, nhưng phía bà T không cung cấp họ tên địa chỉ của ông 6 Kha cho Tòa án, để Tòa án đưa vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và tại phiên Tòa hôn nay bà T cũng không có cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh là bà T và anh Tắng có trả cho chị B được số tiền là 29.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền chưa trả góp là 36.000.000 đồng, nên đối với ý kiến này của phía bị đơn bà T là không có căn cứ để chấp nhận như phân tích trên.

[5] Về lãi suất: Tại phiên tòa hôn nay phía nguyên đơn chị B có đại diện theo ủy quyền là chị Hương yêu cầu phía bị đơn bà T và anh G có nghĩa vụ liên đới trả số tiền lãi với lãi suất là 1,5%/tháng, tính từ ngày 25/01/2021 cho đến ngày xét xử hôm nay là ngày 23/9/2022 là hơn 19 tháng lãi nhưng chỉ yêu cầu tính tròn là 19 tháng lãi. Phía bị đơn bà T cũng đồng ý với lãi suất là 1,5%/tháng. Xét thấy, yêu cầu tính lãi suất của phía nguyên đơn được phía bị đơn bà T đồng ý và phù hợp quy định pháp luật nên cần chấp nhận. Cụ thể số tiền lãi được tính như sau: 50.000.000 đồng x 1,5%/tháng x 19 tháng lãi thành tiền là 14.250.000 đồng.

[6] Từ những tài liệu, chứng cứ như phân tích trên nên Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn chị Phan Thị B và buộc

phía bị đơn bà Nguyễn Thị T và anh Phạm Quốc G phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Phan Thị B số tiền là 64.250.000 đồng (trong đó số tiền vốn vay là 50.000.000 đồng và lãi là 14.250.000 đồng).

[7] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị B, nên phía bị bà Nguyễn Thị T và anh Phạm Quốc G phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho phía chị B là 64.250.000 đồng theo quy định tại khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nên bà T và anh G phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.212.500 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị B có đại diện theo ủy quyền là chị Phan Thị H.

Buộc bà bà Nguyễn Thị T và anh Phạm Quốc G phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Phan Thị B số tiền là 64.250.000 đồng (trong đó số tiền vốn vay là 50.000.000 đồng và lãi là 14.250.000 đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn chị B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn bà T và anh G chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trên số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Thị T và anh Phạm Quốc G phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.212.500 đồng.

Hoàn lại cho chị Phan Thị B 1.512.500 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị B đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002488 ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Cai Lậy.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn anh Phạm Quốc G và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị X thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Thanh Sơn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- CCTHADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.